

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/DS-PT

Ngày: 20-02-2023

V/v tranh chấp: "Đòi tài sản"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyên.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 2 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp "Đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ M, ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Ông Phan Văn H, sinh năm 1968;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông H:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972 (theo Giấy ủy quyền ngày 06/01/2022) (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ M, ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị B, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:* Anh Thái Văn N, sinh năm 1978 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị T1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### ***Theo án sơ thẩm;***

*\* Nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày:*

Vào ngày 05/10/2020, cha anh là ông Phan Văn T2, sinh năm 1957 có cho ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị T1 mượn số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn 01 năm trả lại, nếu ông T2 cần gấp sẽ báo trước 01 tháng thì ông H, bà T1 sẽ trả lại; có giấy mượn tiền và người làm chứng là anh Thái Văn N. Sau đó ông T2 chết vào ngày 04/4/2021, anh T có báo trước cho ông H, bà T1 biết trước 01 tháng để trả lại số tiền trên; ông H, bà T1 cho rằng đã trả xong cho ông T2 lúc còn sống nhưng không có giấy tờ gì là đã trả số nợ trên. Nay anh yêu cầu ông H, bà T1 phải trả cho anh số tiền 60.000.000 đồng.

*\* Bị đơn bà Nguyễn Thị T1, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Văn H trình bày:*

Vào khoảng nửa năm 2020, ông bà có mượn của ông Phan Văn T2 (cha anh T) 60.000.000 đồng, có giấy mượn tiền và có ông Như làm chứng (Giấy mượn tiền này do ông T2 viết, ông H và bà T1 có ký tên người mượn tiền), nếu như có hữu sự gì thì cho hay 01 tháng hoàn trả lại. Khi ông bà vừa mượn tiền được vài tháng thì ông T2 đòi lại để đi trị bệnh; ông bà vay tiền quỹ sep có trả cho ông T2 25.000.000 đồng, sau đó ông bà vay của người khác để trả cho ông T2 35.000.000 đồng là hết nợ. Hai lần trả tiền này không có ai làm chứng, bà T1 có kêu ông T2 xé giấy hay kêu người làm chứng, ông T2 nói trả rồi thôi, ai đòi đầu mà sợ, thì bà T1 chạy về nhà, 01 tháng sau ông T2 chết, thì anh T đến đòi tiền. Nay ông bà không đồng ý trả, vì đã trả nợ cho ông T2 xong, nhưng không có giấy tờ gì thể hiện ông T2 đã nhận 60.000.000 đồng của ông bà trả.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị B đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhưng bà B vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện.*

*\* Người làm chứng anh Thái Văn N trình bày:*

Anh cam đoan lời khai sau đây là sự thật, anh là người gửi các thùng ong để nuôi trên đất của ông T2. Ông T2 có cho ông H, bà T1 mượn tiền 60.000.000 đồng, anh có ký tên người làm chứng trong giấy mượn tiền, nhưng không có chứng kiến việc hai bên giao nhận tiền, còn việc ông H, bà T1 có trả tiền cho ông T2 hay không thì anh không biết. Nay anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

*\* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T yêu cầu vợ chồng ông H, bà T1 phải trả cho anh 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà T1 vừa là đại diện theo ủy quyền của ông H không đồng ý trả 60.000.000 đồng cho anh T.*

\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các điều 227, 228, 229 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn T.

Buộc ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phan Văn T số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

\* Ngày 03/10/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Xem xét lại số tiền mượn 60.000.000 đồng, bà đã trả cho ông Phan Văn T2;
- Anh Phan Văn T đứng đơn kiện bà đòi lại số tiền trên là không có cơ sở, lại không phải là người được thừa hưởng từ ông Phan Văn T2.

#### ***Tại phiên tòa phúc thẩm;***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn xin vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Ông H, bà T1 không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh là đã trả tiền cho ông T2; do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 cũng là đại diện ủy quyền của ông Phan Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Võ Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, người làm chứng là anh Thái Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T1, bà B, anh N.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Đòi tài sản” được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự và thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1 đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Xem xét lại số tiền mượn 60.000.000 đồng, bà đã trả cho ông Phan Văn T2;

- Anh Phan Văn T đứng đơn kiện bà đòi lại số tiền trên là không có cơ sở, lại không phải là người được thừa hưởng từ ông Phan Văn T2.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T1: Căn cứ vào Giấy khai sinh ngày 11/09/1981 (bút lục 13) thể hiện anh Phan Văn T là con của ông Phan Văn T2 và bà Võ Thị B; Giấy xác nhận ngày 21/7/2022 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M thì ông Phan Văn T2 không có con nuôi, con ngoài giá thú. Do đó ông Tài là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn T2 khởi kiện là có căn cứ đúng quy định.

Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 05/10/2020 thể hiện ông H, bà T1 có mượn của ông Phan Văn T2 (là cha của anh Phan Văn H) 60.000.000 đồng. Do ông Phan Văn T2 đã chết, nay anh T yêu cầu ông H, bà T1 phải trả cho anh 60.000.000 đồng. Phía ông H, bà T1 không đồng ý trả, ông bà cho rằng đã trả cho ông T2 60.000.000 đồng làm 02 lần: Lần 1 vào tháng 12/2020 trả 25.000.000 đồng, lần 2 vào tháng 02/2021 trả 35.000.000 đồng là xong nợ nhưng tại phiên tòa ông H, bà T1 không có chứng cứ hay người làm chứng nào chứng minh là đã trả nợ cho ông T2 (cha anh T) vì Giấy mượn tiền ông T2 vẫn còn giữ. Do đó, án sơ thẩm buộc ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho anh Phan Văn T 60.000.000 đồng là phù hợp với Điều 166 Bộ luật Dân sự.

Bà T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào các điều 227, 228, 229 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn T.

Buộc ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phan Văn T số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Phan Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị T1 chậm thi hành án thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho anh Phan Văn T số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004425 ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0022745 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- CCTHADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Ngọc Tuyền**